

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

Án số:152/2017/HSST

Ngày 21/9/2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị An.

2. Bà Phạm Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 140/2017/HSST ngày 18 tháng 8 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2017/QĐXX - ST ngày 08 tháng 9 năm 2017, đối với bị cáo:

Bùi Thị M (tên gọi khác: Bùi Bảo N), sinh ngày 07/9/1990. Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện H, tỉnh T. Chỗ ở: Số nhà 06, tổ 05, phường T, thành phố T, tỉnh T; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: lớp 9/12; con ông Bùi Đăng Đ và bà Đinh Thị B; có chồng là Phạm Đức C; có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh ngày 18/7/2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 48/2017/HSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành hình phạt tù bản án số 48/2017/HSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T đã có hiệu lực pháp luật tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình từ ngày 18/8/2017.

(Trích xuất, có mặt)

Người bị hại:

Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1975; trú tại gác 12/227, đường L, tổ 05, phường T, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

Người làm chứng:

- Cháu Nguyễn Thị Thu T - sinh ngày 01/11/2002 và cháu Nguyễn Thị Thu H - sinh ngày 01/11/2002. Cùng trú tại: gác 12/227, đường L, tổ 05, phường T, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Việt H - sinh năm 1955. Trú tại: số nhà 03, ngõ 112, tổ 05, phường T, thành phố T, tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 14/6/2017, Bùi Thị M sau khi đi làm về nhà trọ tại số nhà 06, tổ 05, phường T, thành phố T, trên đường về M đi qua cổng nhà anh Nguyễn Đức Đ tại gác 12/227, đường L, tổ 05, phường T, thành phố T, tỉnh T thấy cổng và cửa nhà anh Đ khóa, không có ai ở nhà, quan sát xung quanh thấy vắng người qua lại nên M đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà anh Đ để trộm cắp tài sản. M sử dụng 02 chum chìa khóa (mỗi chum 02 chìa) của nhà anh Đ mà M nhặt được ở vệ tường giáp với nhà trọ của M vào chiều ngày 12/6/2017 để mở khóa cổng và khóa cửa nhà anh Đ, M đi vào trong nhà. Khi vào trong gian buồng nhà anh Đ, M thấy có một tủ quần áo (loại tủ gỗ 02 cánh) không khóa, M mở cả hai cánh tủ ra lục tìm thấy ngăn trên tủ bên phải có 01 áo khoác nữ màu đen trong túi áo có một tập tiền mệnh giá 500.000 đồng và ngăn dưới có một quần đùi nam màu đen thêu chữ Adidas có 03 sọc kẻ màu xanh trong túi quần có 01 tập tiền gồm các tờ mệnh giá 20.000 đồng, 50.000 đồng, 100.000 đồng và 200.000 đồng. M đã lấy toàn bộ số tiền trên cất giấu vào trong túi quần bên trái đang mặc. M chưa kịp ra khỏi nhà thì cháu Nguyễn Thị Thu T và cháu Nguyễn Thị Thu H đều sinh năm 2002 là con của anh Đ đi về. Thấy vậy M chui vào trong nhà vệ sinh nhà anh Đ để trốn. Đến khoảng 11 giờ 45 phút thì cháu Nguyễn Thị Thu T phát hiện ra M đang trốn trong nhà vệ sinh, cháu T có hỏi: Tại sao cô lại vào nhà cháu, M không nói gì và đi nhanh về phòng trọ của mình. Khoảng 13 giờ cùng ngày, M thấy bên nhà anh Đ có nhiều người, nghĩ anh Đ phát hiện ra bị mất tiền nên M đã chủ động lấy điện thoại của mình có số thuê bao 01646.076.806 gọi điện đến số thuê bao 0967.900.27 của anh Đ trình bày toàn bộ hành vi trộm cắp tiền của mình, sau khi gọi điện thoại cho anh Đ xong M bỏ hai tập tiền vừa trộm được của anh Đ ra đếm được tổng cộng là

17.000.000 đồng. Sau đó M đã mang toàn bộ số tiền trên đến công an phường T, thành phố T đầu thú và tự nguyện giao nộp cho cơ quan công an số tiền trên cùng 02 chùm chìa khóa nhật được của nhà anh Đ và 01 chiếc điện thoại di động của M.

Tổng số tiền M trộm cắp của nhà anh Nguyễn Đức Đ là 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng.

Bản cáo trạng số 149/KSĐT ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Bùi Thị M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bùi Thị M về tội Trộm cắp tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g; p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo mức án tù 09 đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng Điều 51 bộ luật hình sự năm 1999, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án tù 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án 18/8/2017.

Về vật chứng vụ án: Ngày 23/6/2017 cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Thái Bình ra quyết định xử lý vật chứng trả lại anh Nguyễn Đức Đ số tiền 17.000.000 đồng, 01 áo khoác vải màu đen, 01 quần đùi bằng vải màu đen thêu chữ Adidas có sọc kẻ xanh.

Đối với 02 chùm chìa khóa (mỗi chùm 02 chìa), 02 khóa Việt Tiệp của gia đình anh Đ, nhưng anh Đ không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại di động Nokia 1280 trong điện thoại có 01 sim Viettel số thuê bao 01646.076.806 quản lý của bị cáo, xét không liên quan đến hành vi phạm tội, đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo Bùi Thị M

Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo đồng ý với tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất, không có ý kiến gì.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra , truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa , bị cáo, người bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng , người tiến hành tố tụng . Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay như đã khai trư ớc cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại anh Nguyễn Đức Đ (BL số 21 - 26); người làm chứng, cháu Nguyễn Thị Thu T(BL 51-53), cháu Nguyễn Thị Thu H (BL số 54 - 55) và ông Nguyễn Việt H (BL số 56 - 57), được chứng minh bằng biên bản tạm giữ đồ vật , tài liệu (BL số 34 - 35); cùng các tài liệu , chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 14/6/2017, Bùi Thị M đã thực hiện hành vi mở khóa cổng, cửa vào nhà anh Nguyễn Đức Đ tại ngách 12/227, đường L, tổ 05, phường T, thành phố T, tỉnh T lén lút chiếm đoạt số tiền 17.000.000 đồng.

Bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” , không vi phạm các tình tiết định khung tăng nặng khác nên bị xét xử ở khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, quy định như sau:

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.
...*

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội.

Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt với bị cáo:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Song nhân thân bị cáo vừa bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học để sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục phạm tội, thể hiện tính coi thường pháp luật của bị cáo.

Song xét thấy sau khi phạm tội bị phát hiện, bị cáo đã đến cơ quan công an đầu thú và tự nguyện nộp lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt trả lại cho người bị hại, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm g; p khoản 1 khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tình chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử lên mức án tương xứng với hành vi phạm tội đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết nhằm cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Đức Đ đã nhận lại toàn bộ số tiền 17.000.000đồng bị cáo đã chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng:

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Thái Bình ra quyết định xử lý vật chứng trả lại anh Nguyễn Đức Đ số tiền 17.000.000 đồng, 01 áo khoác vải màu đen, 01 quần đùi bằng vải màu đen thêu chữ Adidas có sọc kẻ xanh vào ngày 23/6/2017.

Quá trình điều tra quản lý 02 chùm chìa khóa và 02 khóa Việt Tiệp của anh Nguyễn Đức Đ, nhưng anh Đ không yêu cầu nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

Trả lại bị cáo Bùi Thị M 01 điện thoại di động Nokia 1280 trong điện thoại có 01 sim Viettel số thuê bao 01646.076.806.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố Bị cáo Bùi Thị M (tức Bùi Bảo N) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1; khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị M (tức Bùi Bảo N) 09(chín) tháng tù. Áp dụng Điều 51 Bộ luật Hình sự 1999, tổng hợp với hình phạt 06(sáu) tháng tù của bản án số 48/2017/HSST ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T, buộc bị cáo Bùi Thị M phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án 18/8/2017.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu để tiêu hủy 02 chùm chìa khóa(mỗi chùm 02 chìa), 02 khóa móc treo Việt Tiếp màu trắng bạc .

- Trả lại bị cáo Bùi Thị M 01điện thoại di động Nokia 1280. Nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng và tài sản có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 18/8/2017)

- Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Thái Bình ra quyết định xử lý vật chứng trả lại anh Nguyễn Đức Đ số tiền 17.000.000 đồng, 01 áo khoác vải màu đen, 01 quần đùi bằng vải màu đen thêu chữ Adidas có sọc kẻ xanh vào ngày 23/6/2017.

4. Về án phí : Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thị M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/9/2017. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS TP.Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hồng Sơn

